

D ò t h 2
 22/3/2016

S : / M N - T G

ng Nai, ngày tháng 4 n m 2016

**B Á O C Á O C A B A N T N G G I Á M C C T C P T N G C Ō N G T Y
 M A Y N G N A I , T I H C . T H N G N I Ê N - N M 2 0 1 6**

I. T Ì N H H Ì N H H O T N G S X K D T R O N G N M 2 0 1 5:

1. T ò c h và nh ấ n s

1.1. Danh sách Ban ì u h ầ n h:

Sau ì h ì ng c ō ng th ng ni ẽ n ngày 02/4/2012, H Q T ã quy t ã h c các thành viên Ban T ã ng G i á m c ì u h ầ n h C T C P T ã ng C ō ng t y M a y ã ng N a i; các n m sau ó, H Q T quy t ã h b ã nh ì m b ã sung thành viên Ban ì u h ầ n h, nh ã sau:

Stt	H và Tên	Ch c v	N m sinh	Trình chuyên môn	Địa chỉ	S c phi u s h u c i k	T l s h u c phi u c u i k	Ghi chú
1	Bùi Th Kịch	CT/TG	1963	H. Kinh t	AA7-Th t S ã n, P.15, Q.10, Tp.HCM	1.533.168 1.284.372	25,6% 21,5%	- /di ã n v ã n NN - V ã cá nh ấ n
2	V c D ã ng	TV.H Q T /P.TG	1969	K s c k h í, H. Kinh t	662/2A S V ã n H ã nh, P.12 Q.10 Tp.HCM	268.345	4,5%	
3	Nguy ã n Th B í ch Th y	TV.H Q T / G i á m c ì u h ầ n h	1970	H. QTKD	192/2, Kp4, Tam H i p, Bi ẽ n H o ầ , ã ng N a i	261.061	4,4%	B ã nh ì m Th3/13
4	Nguy ã n Thanh Ho ầ i	TV.H Q T / G H / T P . K T S X	1974	K s C N . M a y / H. Kinh t	16, ã ng 25, KP2, P. B ì nh T r ã ng T ấ y, Q.2 T p . H C M	57.442	1,0%	B ã nh ì m Th7/15

2.2. Nh ã ng thay ì i trong ban ì u h ầ n h:

Trong n m qua b ã nh ì m 01 thành viên Ban ì u h ầ n h (G i á m c ì u h ầ n h).

Nh ã ng m i ã nh ì m 01 thành viên, th o i ã nh ì m 01 thành viên trong Ban ì u h ầ n h.

2.3. S l ã ng cán b , nh ấ n viên:

- T ã ng s l ấ o ã ng b ì nh qu ầ n trong n m 2015 là: 3.387 ã ng ì (98% c ù ng k).
- Trong ó: + K h ì gi ấ n t i p p h c v ã là: 429 ã ng ì (Gi ấ n t i p T ã ng C t y ã là: 171 ã ng ì + Gi ấ n t i p các ã n v s ã n x u t ã là: 258 ã ng ì) = 13% t ã ng l ấ o ã ng, b ã ng 102% c ù ng k .
- + C ō ng nh ấ n t r c t i p s ã n x u t ã là: 2.958 ã ng ì = 87% t ã ng l ấ o ã ng.
- Ch ì nh s ắ ch và thay ì i trong ch ì nh s ắ ch ì v ì ã ng ì l ấ o ã ng:
- + C ō ng nh ấ n t r c t i p S X h ã ng l ã ng s ã n p h m, C ō ng nh ấ n viên gi ấ n t i p p h c v h ã ng l ã ng th ì gi ấ n, c ã n c ã theo k t qu ã doanh thu S X K D h ầ ng th ắ ng.
- + Thu ã nh p ã bình qu ầ n n m 2015 c ấ CBCNV T ã ng C ō ng t y ã t 6.036.000 ã ng / ã ng ì / th ắ ng, b ã ng 103% s o c ù ng k .

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: Mục tiêu chủ yếu kế hoạch chính thức trong năm qua so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu cùng kỳ năm trước như sau:

Stt	Chỉ tiêu	VT	Công ty m	%/ cùng k	Tổng Cty (hợp nh t)	% (hợp nhất)/ KH	%/ cùng kỳ
1	Doanh thu SXKD	T	1.008	84	1.083	83	86
2	Doanh thu CM	Tr. USD	13,969	107	/	/	/
3	Kim ngạch xuất khẩu	Tr. USD	43,37	84	/	/	/
4	Lợi nhuận trước thuế	T	23,9	50	25,9	52	50
5	Nộp ngân sách (Thu TNDN)	T	4,9	50	6,7	61	58
6	Tổng chi phí tài chính	T	183	106	254	105	106
7	Lao động bình quân có mặt	Ng i	2.368	100	3.387	94	98
8	Thu nhập bình quân	/N/T	6.222.000	102	6.036.000	100	103
9	Chi phí bán hàng	T	20,3	110	27,7	100	112
10	Chi phí quản lý	T	35,2	167	45	90	129
11	Tổng tài sản	T	421	77	458	/	79
12	Vốn chủ sở hữu	T	141	95	130	86	94
13	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	%	17	52	20	/	55
14	Chiết khấu (20%)	T	11,9	66	/	/	/
15	Trích nộp Qu KT-PL	T	9,5	100	9,5	/	/
16	Trích nộp BHXH	T	31,9	108	44,11	94	107

- Phân tích kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua:

+ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015: Tổng doanh thu không tính kế hoạch và không tính thuế, lợi nhuận trước thuế 84% so cùng kỳ, vốn chủ sở hữu chiếm 95%, tổng tài sản tăng 77%... . Hiệu quả sản xuất kinh doanh không tính kế hoạch, lợi nhuận trước thuế 50% cùng kỳ, thu nhập bình quân người lao động tăng 2% và hợp nh t tăng 3% so cùng kỳ. Tuy nhiên xét về chỉ tiêu quan trọng nhất của Công ty là ROE (tỷ suất lợi nhuận trên vốn) mặc dù không tính kế hoạch song vốn tăng 17% là một chỉ số hiệu quả khá cao so với các kênh đầu tư khác và trong tương lai kinh doanh gặp nhiều khó khăn như hiện nay. Kế hoạch chiết khấu 20% vốn đầu tư, yêu cầu theo Nghị quyết thị trường công nghệ làm tăng lợi nhuận của Tổng Công ty áp dụng và đầu tư các công.

- Nguyên nhân chính dẫn đến kết quả trên là:

+ Chi phí cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm vượt ngân sách, như: chi phí tài chính 7%, chi phí nhân công tăng 5%, chi phí BHXH tăng 7%, chi phí bán hàng tăng 77%, chi phí gia công ngoài tăng 15%, chi phí các loại thuế 55%. Ngược lại, chi phí quản lý giảm 24% so với cùng kỳ do giảm giá và tổng mức chi tiêu giảm 9% do đầu tư.

+ Trong năm 2015 tình hình khó khăn về hàng, Tổng Công ty phải giảm 10% sản xuất hàng FOB từ mức 90% năm 2014 xuống còn 83% năm 2015, ký hợp đồng gia công xuất khẩu vào dịp cuối năm, tốc độ tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh.

+ Mặt khác, trong năm Tổng Công ty tập trung vào đầu tư phát triển song song với đầu tư chi tiêu sâu vào máy móc thiết bị chuyên dùng công nghệ cao, dẫn đến tổng chi phí chi tiêu (=110% cùng kỳ) và giảm lợi nhuận.

+ Năng suất lao động so với doanh nghiệp trong ngành thì Tổng Công ty thấp, do bị năng suất lao động, lao động mới, tay nghề thấp và vì các ngành SXKD chưa thực sự quy mô và hiệu quả.

+ Tình hình thị trường hàng hóa năm 2015 bị ảnh hưởng do tình hình biến động giá ô tô và hàng giá nguyên vật liệu làm ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD chung của Tổng Công ty.

3. Tình hình xuất và thực hiện các dự án

3.1. Các khoản xuất lớn:

- Các khoản xuất lớn thực hiện trong năm:
- Trong năm qua, Tổng Công ty không xuất tài chính vào các đơn vị nào.
- Tổng Công ty tập trung xuất máy móc thiết bị cho các đơn vị sản xuất hiện hữu và tăng cường xuất chi sâu – mua sắm thiết bị chuyên dùng, tăng cường giá trị xuất kho: 22,3 tỷ đồng.
- Dự án xuất C m CN H ng L c di n tích 40 Ha, ã c H QT phê duy t d án v i t ng m c u t kho ng 155 t ng. Tuy nhiên, trong năm 2015 m i tri n khai v i c b i th ng di n tích 10 Ha t công ích và mua t ph n ng d n t Qu c l 1A vào C m CN v i t ng s t i n kho ng 10 t ng; ng th i, kh i công, u t xây d ng 1 khu nhà x ng và công trình ph tr v i t ng di n tích xây d ng chi m t kho ng 5.800 m², t ng chi phí u t xây d ng còn ang d dang kho ng: 21 t ng.
- Nh n chuy n nh ng khu t 4,2 Ha th c hi n d án u t m r ng s n xu t cho Công ty CP May nh Quán v i tr giá 4,2 t ng, ã thanh toán 3 t ng.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty c Ph n May nh Quán c thành l p t tháng 07/2013 v n i u l 15 t ng, T ng Công ty góp v n 8 t ng. Doanh thu n m 2015 t 62,7 t ng, l i nhu n t 2,86 t ng, kh u hao 3,59 t ng, chia c t c cho T ng Công ty t 0,96 t ng (12%). Công ty v n có nhi u t i m n ng và c h i phát tri n s n xu t may m c.
- Công ty CP ng Th ng, thành l p t tháng 05/2010, t ng v n i u l là: 1,9 t ng, T ng Công ty góp v n l t ng. Doanh thu n m 2015 t 14 t ng, l i nhu n t 1,4 t ng, kh u hao 0,44 t ng, chia c t c cho T ng Công ty t 0,2 t ng (20%); Công ty ang t i p t c duy trì m i quan h v i khách hàng hi n h u phát tri n v ngành nh a nh hình và ph li u may.
- Công ty CP ng Minh Phú, thành l p t tháng 09/2009, t ng v n i u l là: 1,5 t ng, T ng Công ty góp v n 450 tri u ng. Doanh thu n m 2015 t 8,44 t ng, l i nhu n t 1,17 t ng, kh u hao 0,85 t ng, chia c t c cho T ng Công ty t 0,135 t ng (30%). Công ty ho t ng n nh trong ngành thêu, ch n gòn, c t – ép laser.
- Công ty CP ng Vi t Phú, thành l p t tháng 06/2011, v i t ng v n i u l 20 t ng, T ng Công ty góp v n 5 t ng. Doanh thu n m 2015 t 136 t ng, l i nhu n t 2,28 t ng, kh u hao 7,3 t ng, trong n m 2015 do ph i kh c ph c h u qu th t thoát tài s n do Ban i u hành c gây ra nên không chi c t c. Công ty ang ho t ng n nh trong s n xu t v i không d t.
- Công ty CP ông Bình, thành l p t tháng 02/2007, t ng v n i u l là: 18 t ng, T ng Công ty góp v n 14,850 t ng (chính th c t ng lên 59,17% v n t 01/6/2014). Doanh thu n m 2015 t 66,17 t ng, l i nhu n t 3,53 t ng, kh u hao 3,4 t ng, chia c t c cho T ng Công ty t 1,6 t ng (15%). Công ty v n ang ho t ng n nh trong ngành may m c.
- Công ty CP u t Vinatex v n i u l : 101 t ng T ng công ty góp 5,05 t ng (5% v n i u l). Tuy nhiên tháng 5/2015 ã quy t nh chuy n nh ng thoái v n.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính (Theo BCTC Công ty m - ã ki m toán, không tính h p nh t):

Ch tiêu	N m 2014	N m 2015	% t ng i m
1. T ng giá tr tài s n	544.254.839.747	421.310.850.015	- 22,5%
2. Doanh thu thu n	1.199.246.471.839	1.008.196.891.913	- 15,9%
3. L i nhu n t ho t ng k/doanh	42.497.956.843	15.193.488.572	- 64,2%
4. L i nhu n khác	5.875.409.913	8.724.244.374	+ 48,4%
5. L i nhu n tr c thu	48.373.366.756	23.917.732.946	- 50,5%
6. L i nhu n sau thu	38.128.605.890	18.953.168.229	- 50,2%
7. T l l i nhu n tr c t c	30%	20%	- 33,3%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	0,96	0,87	L n
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,65	0,61	L n
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số N/Tổng tài sản	0,73	0,66	L n
+ Hệ số N/Vốn chủ sở hữu	2,65	1,98	L n
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá trị hàng bán / Hàng tồn kho BQ	9,2	13,37	L n
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,20	2,39	L n
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
+ Hệ số LN sau thuế /DT thuần	3,18	1,87	%
+ Hệ số LN sau thuế /Vốn CSH	25,6	13,4	%
+ Hệ số LN sau thuế /Tổng tài sản	7,0	4,48	%
+ Hệ số LN trước thuế kinh doanh/ Doanh thu thuần	3,5	1,5	%
+ LN sau thuế /Vốn đầu tư	63,7	31,7	%

5. Các cuộc công, thay đổi vốn và các sự kiện:

5.1. Công nợ:

- Tổng số công nợ : 5.976.676 công nợ.
- Loại công nợ : Công nợ phải thu (chuyên nhượng).
- Vốn đầu tư ngày 31/12/2015 : 59.766.760.000 đồng.

5.2. Các cuộc công:

- 01 Công nợ Nhà nước: Tổng số công nợ may Việt Nam – Vinatex năm ghi : 1.533.168 công nợ, tăng 25,65% vốn đầu tư.
- 124 Công nợ là cá nhân và nhân khác năm ghi : 4.443.508 công nợ, tăng 74,35% vốn đầu tư. Trong đó: 04 Công nợ liên quan năm ghi : 2.292.675 công nợ, tăng 38,4% vốn đầu tư.
- Không có công nợ ngoài.

5.3. Tình hình thay đổi vốn và các sự kiện:

- Vốn đầu tư trong năm 2015 vốn gốc nguyên là: 59.766.760.000 đồng.
- Trong năm không phát hành thêm cổ phiếu ưu đãi hay trái phiếu.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng nguyên vật liệu cơ sở sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ của Công ty trong năm qua: Nguyên liệu chính là vải các loại vì tính tiêu thụ khoảng 7,5 triệu m² vải các loại, trị giá FOB khoảng 511 triệu đồng.
- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế, cơ sở sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của Công ty:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
 - Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm 2015: 3.758.488 Kw, bằng 102% so với cùng kỳ; tổng trị giá chi phí điện là: 6,6 triệu đồng, bằng 107% so cùng kỳ.

- Tổng lượng nhiên liệu tiêu thụ cho các phương tiện vận tải: 139.871 lít xăng dầu các loại, bằng 121% cùng kỳ (116.000 lít), trị giá chi phí tiêu thụ: 1,97 tỷ đồng, bằng 80% so cùng kỳ.

b) Năng lượng tiêu thụ thông qua các sáng kiến sản xuất năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sản xuất năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

Tổng lượng nước tiêu thụ trong năm 2015: 70.945 m³, bằng 102% so với cùng kỳ; tổng trị giá chi phí nước là: 659 triệu đồng, bằng 116% so cùng kỳ. Toàn bộ nước sử dụng là nước dùng cho sinh hoạt không tiêu thụ nước cho các quy trình sản xuất công nghiệp.

b) Tiết kiệm nước và tái chế và tái sử dụng: Không có.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lượng xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 01 lần.

b) Tổng số tiền do xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 43,2 triệu đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: 3.387 người, mức lương trung bình hàng tháng người lao động: 6.036.000 đồng/người/tháng, bằng 103% so cùng kỳ.

b) Chính sách lao động nhằm bảo vệ sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Tuân thủ pháp luật và tiêu chuẩn TNXH, An toàn sức khỏe của khách hàng theo tiêu chuẩn quốc tế SA 8000, FLA, FSCAP... Tổng Công ty đã cấp Chứng nhận tiêu chuẩn quốc tế về TNXH - SA 8000 và WRAP của Hoa Kỳ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Chi yếu tố con người may công nghiệp với số lượng kho năm 2005 là 1 triệu người tuyển dụng trong năm 2015, mức chi đào tạo khoảng 3 tháng (624 giờ x 2005 = 1.251.120 giờ).

- Đào tạo và huấn luyện về công tác an toàn, PCCC, vệ sinh lao động, môi trường... theo quy định của pháp luật và theo các tiêu chuẩn quốc tế về TNXH trong Tổng Công ty.

- Ngoài ra, có các chương trình phát triển kỹ năng và hợp tác liên tục hỗ trợ người lao động mở rộng cơ hội làm việc và phát triển sự nghiệp với vị trí cán bộ, công nhân viên kỹ thuật chuyên nghiệp.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường xã hội:

Trong năm 2015 Tổng Công ty có các hoạt động ưu tiên và hoạt động phát triển cộng đồng khác, như: Xây dựng 11 căn nhà tình thương, nhà nhân ái, nhà nghĩa tình... tại tỉnh Nghệ An với tổng trị giá 285 triệu đồng, tặng quà Tết với sách nói dành cho người mù tại TP. Hồ Chí Minh với số tiền 50 triệu đồng, tặng quà Tết cho các gia đình khó khăn trong tỉnh Nghệ An với trị giá 180 triệu đồng, ủng hộ Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Bình Phước, quỹ hỗ trợ, quỹ vì người nghèo, quỹ vì nạn nhân chất độc màu da cam... và tiếp tục phát động sự kiện 4 M VNAH tại Nhân Trách và Xuân Lạc - Nghệ An.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thương mại xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Hiện Tổng Công ty chưa tham gia chứng nhận xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

II. ÁNH GIÁ C A BAN GIÁM C V K T QU HO T NG SXKD

1. ánh giá k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh

1.1. Phân tích t ng quan v ho t ng c a T ng Công ty:

N m 2015 là n m khá khó kh n i v i T ng Công ty nên ã cho k t qu SXKD không nh k v ng, các ch tiêu giá tr SXCN, doanh thu và kim ng ch xu t nh p kh u u không t ng. Hi u qu l i nhu n và t su t l i nhu n trên v n t ho t ng SXKD ch m c ch p nh n c m b o v i c chi c t c cho c ông và t p trung t ng thu nh p cho ng i lao ng.

C th có các nguyên nhân sau ây:

- Ban i u hành ã t p trung m i bi n pháp ti t gi m chi phí, nh ng riêng chi phí nhân công v n còn t ng cao, nh t là chi phí BHXH, BHYT cho ng i lao ng.

- N ng su t s n xu t c a T ng Công ty không t ng do lao ng bi n ng và tay ngh công nhân m i còn th p.

- V i c u t m i, m r ng s n xu t các khu (ng Ph c, ng Xuân L c, ng Xuân Khánh) ch a phát huy hi u qu cao do v i c tuy n d ng lao ng khó kh n và còn ph i t ng m c kh u hao tài s n.

- Hi u qu s n xu t kinh doanh FOB v n mang l i nhi u l i ích cho T ng Công ty, ng th i xây d ng c ìng cán b m thành chuyên nghi p và là c s t ng b c t p c n th chi n ODM.

1.2. Nh ng ti n b T ng Công ty ã t c:

- M c dù các ch s t ng tr ng không t k v ng nh ng v n duy trì c m c doanh thu trên 1000 t .

- Hi u qu kinh doanh t khá – ROE b ng trên 17%, chi c t c t 20% v n i u l áp ng c k v ng c a các c ông trong i u ki n lãi su t ti t ki m liên t c gi m.

- V n gi c khách hàng l n và th tr ng truy n th ng, th ph n xu t kh u trên doanh thu cho các th tr ng Nh t b n t 40%, Hoa K t 40%, Hàn Qu c 10%, EU t 5% doanh thu xu t kh u.

- Kh i công c d án u t C m CN H ng L c 40 Ha - là khu t d phòng cho T ng Công ty u t phát tri n.

- Lao ng tuy có bi n ng nh ng v n gi c ìng Công nhân viên có kinh nghi m, tay ngh . V n m b o ch m lo t t n i s ng v t ch t, tinh th n c a ng i lao ng, th hi n qua: M c thu nh p bình quân t ng kho ng 3% trong khi CPI c n c không t ng, l ng c b n c nâng b c và i u ch nh t ng theo m c l ng t i thi u m i c a Nhà n c quy nh, th c hi n y ch BHXH, BHYT, BHTN; xét khen th ng v i các hình th c: Th ng danh hi u thi ua, th ng hoàn thành k ho ch, th ng hi u qu SXKD th ng cu i n m (tháng 13) b ng 2 l n l ng bình quân n m và nhi u kho n th ng khác.

- Máy móc thi t b chuyên dùng, t ng ã c u t trang b y , k p th i ph c v s n xu t góp ph n c i thi n n ng su t thông qua ch tiêu tr giá CM t ng kho ng 6% và áp ng yêu c u ch t l ng s n ph m c a khách hàng.

- Các Công ty con và thành viên u làm n có lãi nh : Công ty CP ng Minh Phú, Công ty CP ông Bình, Công ty CP ng Th ng và c bi t Công ty CP May nh Quán m i vào ho t ng n m th 3 ã có lãi và chia c t c 10%.

- V th ng hi u: May N c x p h ng trong các Top VNR500, V1000 và FAST500 c a c n c.

- T nh ng m t ti n b trên, T ng Công ty c T p oàn ánh giá khá và ã c B Công Th ng t ng C thi ua xu t s c n m 2015.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài s n:

- Tổng tài sản của Công ty là 421.310.850.015 đồng, giảm 23% so cùng kỳ. Trong đó: Tài sản dài hạn là 188 tỷ đồng, tăng 5% so cùng kỳ do tăng mua đất; phần thu dài hạn tăng 15% do khoản cho vay dài hạn 10 tỷ đồng, giảm 5 lần so cùng kỳ và tài sản ngắn hạn là 233 tỷ đồng, giảm 36% so cùng kỳ; trong đó đáng chú ý là hàng tồn kho năm 2015 đã giảm mạnh (-42%) so với cùng kỳ (69/119 tỷ), chứng tỏ tích cực trong ý muốn công tác giao hàng; các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng chiếm 29% như con số tuy tỷ lệ vẫn còn cao (84 tỷ đồng) cần phải lưu ý ý muốn thu hồi công nợ.

- Trong cơ cấu tài sản Công ty có các khoản nợ tài chính dài hạn giảm 33,5 tỷ đồng xuống còn 29,3 tỷ đồng (-12,5%), do đã thoái vốn từ thị trường và ngoài hình thức của Công ty. Hiện chỉ còn vốn góp vào các công ty con 23,85 tỷ đồng và công ty liên kết 5,45 tỷ đồng là những khoản vốn trong tầm kiểm soát của Công ty.

2.2. Tình hình nhập khẩu:

- Tình hình nhập khẩu hiện tại là: 280.345.734.200 đồng, giảm 4% so cùng kỳ. Trong đó chủ yếu là nguyên liệu 267 tỷ đồng, giảm 30% so cùng kỳ và dài hạn 12 tỷ đồng, giảm 15% so cùng kỳ. Các ảnh hưởng là các khoản nợ không cao, nguyên nhân chủ yếu do giảm sản xuất hàng FOB để giảm chi phí. Khoản vay và thuê tài chính ngắn hạn có giảm so cùng kỳ nhưng số tuyệt đối (172 tỷ đồng) vẫn cao trong cơ cấu ngắn hạn và dài hạn.

- Về hình thức nhập khẩu hiện tại là 1,98 lần, so với cùng kỳ là 2,65 lần trên xu hướng giảm dần như những năm gần đây, chứng tỏ việc thanh toán của Công ty có uy tín với nhà cung cấp và nhà thầu khác.

2.3. Tình hình vốn chi trả:

- Tổng vốn chi trả là 140.965.115.815 đồng, giảm 5,4% so cùng kỳ thể hiện giảm số tích lũy vốn khác của Công ty trong năm qua do tình hình khó khăn chung như vốn mất cân đối, an toàn nguồn vốn chi trả từ các khoản nợ và nợ tài chính. Trong cơ cấu vốn chi trả thì nguồn lợi nhuận sau thuế chia phân phối thì từ 31/12/2015 là 27,9 tỷ, do chưa trả phần nợ công nợ chi trong tháng 01/2016 và chưa trích lập Quên thưởng, phúc lợi. Mặt khác, Quỹ phát triển của Công ty tích lũy khá cao (53 tỷ) là cơ sở an toàn vốn cho Công ty tiếp tục phát triển.

3. Những điểm nổi bật về chính sách, quản lý:

- Công ty vẫn duy trì cơ cấu tổ chức máy theo hình thức tính lương, giảm nhân và mô hình quản lý, điều hành của Công ty, trong năm đã giảm 01 chức danh Phó Tổng Giám đốc và không bổ nhiệm thêm, tăng cường quản lý, điều hành của Xí nghiệp trực tiếp sản xuất. Trong năm đã luân chuyển nhiều vị trí trong quản lý điều hành sản xuất nhằm tăng cường tập trung vào năng suất lao động.

- Hình thức quản lý chi tiêu, trách nhiệm xã hội, an ninh, an toàn, môi trường vẫn duy trì và cải thiện; tuy nhiên, trong thời gian tiếp cận thị trường và xuất hiện nạn ăn cắp vặt và cải thiện hình thức nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

- Số tiếp tục hoàn thiện các chính sách, quy định và hình thức quy chế quản trị Công ty theo mô hình Công ty hiện đại và hình thức các phương pháp quản lý hiện đại, hiệu quả và minh bạch thông tin.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Đề nghị các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2016 của Công ty như sau:

Stt	Chỉ tiêu	VT	Công ty m	% / cùng kỳ	Tổng Cty (h p nh t)	% / cùng kỳ
1	Doanh thu SXKD	T	1.200	119	1.300	120
2	Doanh thu CM	Tr.USD	18,1	130	25,3	137

3	Kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	55	128	/	/
4	Lợi nhuận trước thuế	T	40	166	50	193
5	Nộp ngân sách (thu TNDN)	T	8	170	10	149
6	Tổng chi phí tài chính	T	205	112	290	114
7	Lao động bình quân có mặt	Ng i	2.600	109	3.800	121
8	Thu nhập bình quân	/N/T	6.500.000	104	6.300.000	104
9	Chi phí bán hàng	T	20	100	29	105
10	Tổng giá trị xuất	T	50	142	55	122
11	Tổng tài sản	T	500	119	550	120
12	Vốn chủ sở hữu	T	150	106	155	119
13	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn CSH	%	27	159	32	160
14	Chỉ số tăng trưởng (>= 20%)	T	11,9	100	/	/
15	Trích nộp Quỹ KT-PL	T	5	53	/	/
16	Trích nộp BHXH	T	36	13	49	111

Trong năm 2016 Ban điều hành Tổng Công ty tập trung vào hoạt động SXKD bằng các giải pháp chủ yếu sau:

Vấn đề xuất, kinh doanh:

- Tập trung đầu tư vào Công nghệ pH ứng dụng công nghệ sản xuất, kinh doanh.
- Tăng cường kết quả, kết quả trong lao động sản xuất kinh doanh.
- Sản xuất linh hoạt theo hàng sản xuất tinh gọn, cải tiến quy trình sản xuất theo hàng thành phẩm trong chuyên tính lợi nhuận theo doanh thu CM nhập khẩu.
- Tập trung và quan tâm đánh giá WRAP hay SA8000, 6S cho các nhân viên thành viên.
- Tiếp tục cải cách nhân viên tài chính, tổng thu nhập cho người lao động giảm chi phí và thu hút lao động.
- Tiếp tục cải tạo, nâng cao công nghệ sản xuất và nguồn lao động cho XN May 4 tại Khu A đảm bảo nhân sự sản xuất thành công lao động chung.
- Duy trì và phát triển phân ngành kinh doanh FOB cao hơn mức tối thiểu ODM, nâng cao hiệu quả trong việc nhân hàng CM xuất khẩu.
- Hoạt động các đơn vị kinh doanh nghiệp: Tiến hành cải tiến hóa Xí nghiệp Xuân Lạc và công nghiệp Xuân Khánh thành lập mới Công ty CP Xuân Lạc và Công ty CP Xuân Khánh hình thành công ty con hạch toán độc lập, giao quy định trong hoạt động SXKD.
- Kế hoạch chia cổ phần năm 2016: Tổng Công ty tập trung vốn vào hoạt động Công nghệ pH ứng dụng công nghệ và chi phí sản xuất người lao động nên đề nghị kế hoạch chia cổ phần chi trả 20% (11,9 tỷ đồng), bằng 100% cùng kỳ.

Vấn đề tiếp cận thị trường:

- Về chính sách cho người lao động: Nhà hàng năm Tổng Công ty xem xét nâng bậc lương ứng niên hạn cho CB.CNV theo Thang bảng lương ký; tham gia BHXH, BHYT và BHTN với mức lương mới và mức đóng mới theo quy định cho CB.CNV theo trình của Luật BHXH; tiếp tục mua Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho CNV, xem xét duy trì chính sách hỗ trợ 4 tháng lương cho CNV nghỉ hưu tại Tổng Công ty...;
- Triết lý kinh doanh công bằng giá công nhân khi sản xuất CNV kiểm soát rõ thu nhập của mình hàng ngày, coi đó là lợi ích thi đua lao động sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng và thu nhập hàng tháng.
- Trích nộp quỹ khen thưởng – Phúc lợi theo điều lệ Tổng Công ty và thực hiện khen thưởng kịp thời người viên CB.CNV thi đua lao động sản xuất, duy trì vị thế cạnh tranh hay hỗ trợ kinh phí cho CNV tham quan nghỉ mát hàng năm; thực hiện công tác xã hội

- t thi n và ch m lo t t i s ng v t ch t, tinh th n và s c kh e CB.CNV k c CB.CNV ã ngh h u t i T ng Công ty.
- T i p t c t ch c hu n luy n, ào t o, nâng cao tay ngh , nghi p v và ch an toàn v sinh lao ng, phòng ch ng cháy n , c i thi n i u ki n làm vi c cho ng i lao ng; ph n u t ng n ng su t, nâng cao thu nh p cho ng i lao ng cao h n n m tr c và gi m t i a vi c b trí làm thêm gi ;
 - K p th i gi i quy t úng quy nh v nh ng ki n ngh c a ng i lao ng và nh ng ch chính sách khác cho ng i lao ng phù h p v i tình hình th c t T ng Công ty, m b o hài hòa gi a l i ích T ng Công ty và quy n l i ng i lao ng...
 - Ph i h p v i Công oàn ki m soát ch t ch ch t l ng và VSATTP su t n tr a, t th c n hàng ngày v i nhà n, m b o s c kh e cho CB.CNV tham gia lao ng s n xu t.

V. S PH I H PHO T NG VÀ I U HÀNH T NG CÔNG TY

1. S ph i h p gi a Ban TG i u hành T ng Công ty v i H i ng qu n tr

Ban i u hành g m có: 01 T ng Giám c do Ch t ch H QT kiêm nhi m và 02 Phó T ng Giám c u do Thành viên H QT kiêm nhi m, trong ó 01 Phó T ng Giám c ã thôi nhi m ngh ch t tháng 12/2015. Có 03 Giám c i u hành u là thành viên H QT kiêm nhi m, trong ó có 01 Giám c i u hành b m i n nhi m và H QT ã quy t nh b nhi m b sung 01 Giám i u hành thay th cùng trong tháng 07/2015.

Trong n m 2015 là n m r t nhi u khó kh n i v i T ng Công ty, nh ng Ban i u hành ã ph i h p ho t ng t t v i H QT, tuân th ngh quy t H QT và n ng ng, sáng t o, oàn k t và quy t tâm trong i u hành kinh doanh, t ó em l i hi u qu SXKD m c ch p nh n c, mang l i l i ích cho các bên liên quan nh : V n m b o ho t ng kinh doanh có lãi n p ngân sách – Thu TNDN, t su t l i nhu n trên v n (ROE) v n t trên 17%, kh u hao c b n t ng 10%; t i p t c u t phát tri n v i d án C m CN H ng L c ã c kh i công ngày 31/07/2015; thu nh p bình quân ng i lao ng t ng 3%, trích n p BHXH t ng 7%; chi c t c b ng 20% v n i u l và d ki n trích l p các qu m b o theo t l c a i u l và có tích l y Qu u t phát tri n m c cao.

2. S ph i h p gi a Ban TG i u hành T ng Công ty v i Ban Ki m soát

- Ban T ng Giám c i u hành T ng Công ty luôn tôn tr ng và m b o các quy n ho t ng c a Ban ki m soát, t o i u ki n cho Ban Ki m soát t i p c n thông tin, s li u và giám sát a s các ho t ng trong T ng Công ty.

- Ban T ng Giám c i u hành T ng Công ty nh n c các ý ki n và quan i m c a Ban ki m soát trong vi c th c hi n các ch tr ng, chính sách chung c a T ng Công ty và Ngh quy t H C , Ngh quy t H QT; ng th i, Ban T ng Giám c u nh n c s ng thu n v i các quy t sách và th c thi nhi m v tri n khai các d án u t , qu n lý tài chính và i u hành s n xu t kinh doanh, mang l i hi u qu trong n m qua.

3. Các ch l ng th ng và giao d ch c a Ban T ng Giám c

3.1. L ng, th ng và các kho n l i ích khác:

T ng l ng, th ng c a các thành viên ban i u hành trong n m 2015:

H và tên	Ch c v	L ng ()	Th ng ()	Ghi chú
1. Bùi Th Kích	T ng Giám c	704.419.000	55,000,000	
2. V c D ng	Phó T ng Giám c	523.138.000	44,000,000	
3. Ng. Th Bích Th y	Giám c i u hành	462.355.000	44,000,000	
4. Ng Thanh Hoài	Giám c i u hành	370.810.000	30.000.000	BN T7/'15
5. V ình H i	Phó T ng Giám c	469.126.000	44,000,000	H u T12/'15
6. V Vi t Hà	Nguyên G H	72.070.000	0	TV T7/'15

T NG C NG		2.601.918.000	217.000.000	
------------------	--	----------------------	--------------------	--

T ng ti n th ng (không tính l ng) cho Ban i u hành là 217 tri u ng, b ng 1,14% l i nhu n sau thu .

3.2. Giao d ch c phi u c a c ông n i b n m 2015: Phát sinh t ng gi m không nhi u.

3.3. H p ng ho c giao d ch v i c ông n i b : Không phát sinh giao d ch.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ K T QU KI M TOÁN

Báo cáo tài chính CTCP T ng Công ty May ng Nai (Báo cáo riêng) n m 2015 và Báo cáo tài chính h p nh t c a CTCP T ng Công ty May ng Nai và các Công ty con n m 2015, ã c ki m toán b i: Công ty TNHH d ch v t v n tài chính k toán và ki m toán Nam Vi t, a ch : 29 – Hoàng Sa, Qu n 1, Tp.HCM – theo Ngh quy t H C th ng niên n m 2015. Trong ó: Ý ki n c a ki m toán nh sau:

“...Theo ý ki n c a chúng tôi, báo cáo tài chính h p nh t ã ph n ánh trung th c và h p lý, trên các khía c nh tr ng y u tình hình tài chính c a Công ty C ph n T ng Công ty May ng Nai và các Công ty con t i ngày 31 tháng 12 n m 2015, c ng nh k t qu ho t ng kinh doanh và tình hình l u chuy n ti n t cho n m tài chính k t thúc cùng ngày, phù h p v i chu n m c k toán, ch k toán doanh nghi p Vi t Nam và các quy nh pháp lý có liên quan n vi c l p và trình bày báo cáo tài chính h p nh t”.

Trong Báo cáo ki m toán n m 2015 không có i m ngo i tr .

Toàn v n “Báo cáo tài chính CTCP T ng Công ty May ng Nai n m 2015 và Báo cáo tài chính h p nh t c a CTCP T ng Công ty May ng Nai và các Công ty con n m 2015”, ã c ki m toán và c niêm y t công khai t i Website: www.donagamex.com.vn và Website: www.congbothongtin.ssc.gov.vn; ng th i c ngl u tr t i Tr s T ng Công ty.

Trên ây là Báo cáo c a Ban i u hành v ho t ng SXKD n m 2015 và Ph ng h ng nhi m v SXKD n m 2016 c a T ng Công ty May ng, tình i h i ng c ông thông qua.

T NG GIÁM C

N i nh n:

- Các TV.H QT, BKS, Ban TG ;
- Báo cáo t i H C th ng niên;
- L u VT, P.TCKT, Th ký TCty.